

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HS-PT

Ngày: 06 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Lệ Thu

- *Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Bích Đào; ông Hồ Đức Quang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Thuận - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 36/2021/TLPT-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Trần Quyết T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo, người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/HS-ST ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. **Trần Quyết T** (Tên gọi khác: Trần Văn T), sinh ngày: 12/4/1946, tại xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị T (đều đã chết); có vợ là Phan Thị H, sinh năm 1951 và 04 con, đứa lớn nhất 49 tuổi, nhỏ nhất 38 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

2. **Trần Thăng L** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày: 12/12/1983, tại xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quyết T (bị cáo trong vụ án) và bà Phan Thị H, sinh năm 1951; có vợ Lê Thị Mai (đã chết) và vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; có 03 con, đứa lớn nhất 17 tuổi, nhỏ nhất 04 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Quyết T:*

+ Ông Nguyễn Đình L, Luật sư Văn phòng Luật sư Mai Sen thuộc Đoàn Luật sư Hà Tĩnh; có mặt

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Ông Nguyễn Xuân H, Luật sư, cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 7, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

+ Anh Hoàng Ngọc L, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1971; chị Đinh Thị H, sinh năm 1988; anh Trần Văn T, sinh năm 1983; anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1981; chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; anh Phan Trọng N, sinh năm 1990; anh Nguyễn Công M, sinh năm 1988; anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1976; anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; ông Trần Văn Đ, sinh năm 1948; anh Trần Văn T, sinh năm 1983; anh Bùi Văn U, sinh năm 1985; ông Trần Hùng V, sinh năm 1959; anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978; bà Phan Thị H, sinh năm 1951; anh Đinh Văn N, sinh năm 1970; đều có địa chỉ: Xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ông Đinh Văn L, sinh năm 1966; ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1942; ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1950; đều có địa chỉ: Xóm 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1952; ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1960; chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; anh Trần Văn T, sinh năm 1983; đều địa chỉ: Xóm 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1986; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1983; anh Cao Văn C, sinh năm 1983; đều địa chỉ: Xóm 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Anh Nguyễn Hồng L, sinh năm 1985; anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1982; anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1983; anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; anh Đinh Nho T, sinh năm 1988; đều địa chỉ: Xóm 8, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Chị Đinh Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ông Phan Trọng B, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ông Nguyễn Kim B, sinh năm 1948; địa chỉ: Xóm 4, xã Phú Phong, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 2, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Người tham gia tố tụng khác được mời đến phiên tòa:* Đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, ông Biện Ngọc B - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Đ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/4/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện K nhận được tin báo của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967, trú tại xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh về việc vào khoảng 09 giờ ngày 21/4/2020 bà Nguyễn Thị H phát hiện ông Trần Quyết T và anh Trần T L (con trai ông T) có hành vi hủy hoại, chặt phá cây keo lá tràm tại trang trại của gia đình bà H trồng, chăm sóc từ 8 năm nay.

Quá trình điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ xác định: Khoảng đầu năm 2012, tuy chưa được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý, bảo vệ rừng nhưng gia đình bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Văn Thụ đã tự bỏ vốn đầu tư, thuê người trồng, chăm sóc cây keo tràm trên diện tích khoảng 5 ha đất rừng sản xuất trong đó có phần diện tích xảy ra hiện trường vụ việc ngày 21/4/2020 thuộc khoảnh 7, tiểu khu 234 thuộc xã Đ, huyện K và khoảnh 1, tiểu khu 237 thuộc xã P, huyện K. Đến tháng 5 năm 2012, Trần Quyết T cho rằng một phần diện tích đất rừng gia đình bà H canh tác nói trên thuộc quyền quản lý của mình nên đã xảy ra tranh chấp với bà H. Tuy nhiên, từ năm 2012 đến tháng 4/2020 gia đình bà H, ông Thụ đã đầu tư chăm sóc, 03 lần trồng mới và 02 lần khai thác cây keo trên diện tích đất nói trên mà không phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp với ai. Đến ngày 17/4/2020, Trần Quyết T đến nhà gặp bà Nguyễn Thị H yêu cầu khai thác cây keo để trả lại đất cho T nhưng bà H không chấp nhận vì cho rằng đất đó không phải của Trần Quyết T. Vào khoảng 06 giờ ngày 21/4/2020, Trần Quyết T gọi điện thoại cho con trai Trần Thăng L nói: “Đến tại khu vực đất rừng gia đình bà Nguyễn Thị H trồng cây keo để sẽ phát chặt keo, yêu cầu trả lại đất” và L đồng ý. Sau đó, Trần Quyết T mang theo 02 chiếc rựa mỏng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Meritus, không có biển kiểm soát đi vào đồi keo của gia đình bà H thì gặp Trần Thăng L đi bộ tới. T đưa cho L 01 chiếc rựa mỏng rồi cùng nhau thống nhất đối với cây keo to thì bóc vỏ, cây keo vừa thì chặt gãy và cây keo mới trồng thì nhổ bỏ, T và L thực hiện hành vi chặt, bóc vỏ và nhổ bỏ cây keo theo hướng từ trên đỉnh đồi xuống chân đồi, trong khoảng thời gian gần 3 giờ đồng hồ. Đến khoảng hơn 09 giờ cùng ngày thì bà H phát hiện và trình báo với chính quyền địa phương và cơ quan công an.

Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 26/4/2020 xác định hiện trường vụ hủy hoại tài sản cây keo tràm tại khoảnh 7, tiểu khu 234 xã Đ (diện tích 1780m²)

và khoảnh 1, tiểu khu 237 xã P (diện tích 100m²). Trần Quyết T và Trần Thăng L cùng nhau dùng rựa mỏng chặt gãy ngang 130 cây keo trầm, đường kính từ 06 đến 15cm, khoảng 04 đến 05 tuổi; chặt bóc vỏ 125 cây keo trầm, đường kính từ 09 đến 25cm, khoảng từ 07 đến 08 tuổi; và dùng tay nhổ bỏ 300 cây keo trầm, khoảng 2 tháng tuổi của gia đình bà H trồng trên diện tích rừng nói trên.

Theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K ngày 19/5/2020, xác định: 300 cây keo bị nhổ loại có đường kính <1cm, giá trị tài sản là 1.650.000đ; 130 cây keo bị ngã gãy xuống, giá trị tài sản là 2.552.400đ; 125 cây keo bị bóc vỏ một phần, giá trị tài sản là 2.986.800đ. Tổng cộng giá trị tài sản là 7.189.000đ.

Ngày 10/9/2020, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện K đã tổ chức kiểm tra hiện trường nơi có diện tích cây keo bị bóc vỏ và bị chặt ngày 21/4/2020 tại khoảnh 7 tiểu khu 234 và khoảnh 1 tiểu khu 237, xác định: Hiện tại số cây keo bị bóc vỏ toàn thân khô héo và chết không có khả năng phục hồi, tái sinh. Những cây bị chặt, một số cây phần gốc còn lại có xuất hiện chồi mọc lên, tuy nhiên phát triển kém.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc rựa mỏng cán bằng gỗ đường kính 3cm, dài 36cm, lưỡi bằng kim loại dài 30cm; 01 điện thoại hiệu Titel màu đen, có số Imei 1: 358307102099766, Imei 2: 358307102099774, gắn thẻ sim 0369.482.302; 01 xe mô tô hiệu Merius, màu xanh, số khung C04227, số máy 0077273, không có biển kiểm soát, do Trần Quyết T giao nộp. 01 chiếc rựa mỏng cán bằng gỗ đường kính 2,5cm, dài 46cm, lưỡi bằng kim loại dài 36cm; 01 điện thoại Mobell màu đỏ, có số Imei 1: 812696060610284, Imei 2: 812690606610284, gắn thẻ sim 0364.185.315, do Trần Thăng L giao nộp.

Về bồi tH thiệt hại: Bị hại bà Nguyễn Thị H yêu cầu bồi tH tổng số cây keo bị thiệt hại là 40.000.000đ, tổn thất về tinh thần 10.000.000đ, tổng cộng thiệt hại là 50.000.000đ. Trong giai đoạn điều tra Trần Quyết T và Trần Thăng L mỗi bị cáo tự nguyện nộp 2.500.000đ, tổng số tiền 5.000.000đ và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Trần Thăng L tự nguyện nộp thêm 1.089.500đ, tổng số tiền là 6.089.500đ.

Với hành vi trên, tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 08/2021/HS-ST ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã Quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, i, o, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Quyết T;

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thăng L;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15; điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban TH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Quyết T, Trần Thăng L phạm tội

“Hủy hoại tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt các bị cáo Trần Quyết T; Trần Thăng L mỗi bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử tách là 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Về các biện pháp tư pháp: Buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm liên đới bồi tH thiệt hại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 7.189.000đ, kỷ phần mỗi bị cáo là 3.594.500đ. Các bị cáo đã tự nguyện bồi tH được 6.089.500đ (Theo Chứng từ nộp tiền số 5729587 ngày 28/10/2020 và Biên lai thu tiền số AA/2019/0004607 ngày 12/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự), trong đó bị cáo Trần Quyết T đã bồi tH số tiền 2.500.000đ, nay phải bồi tH tiếp số tiền 1.094.500đ, bị cáo Trần Thăng L đã bồi tH 3.589.500đ, nay phải bồi tH tiếp số tiền 5.000đ.

Án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định

Ngày 08/3/2021, các bị cáo Trần Quyết T, Trần Thăng L kháng cáo cho rằng các bị cáo không phạm tội.

Ngày 08/3/2021 người bị hại đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, người bị hại thay đổi nội dung kháng cáo không yêu cầu về phần bồi tH thiệt hại và chỉ yêu cầu tăng mức hình phạt đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Quyết T đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, tuyên các bị cáo Trần Quyết T và bị cáo Trần Thăng L không có tội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến gì về tội, danh và mức bồi tH đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nhân thân, hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Trần Quyết T, Trần Thăng L và kháng cáo của người bị hại chị Nguyễn Thị H giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo và người bị hại làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình xét xử, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo kháng cáo cũng không có ý kiến gì, do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều hoàn toàn thừa nhận hành vi chặt, bóc vỏ, nhổ bỏ cây keo của mình như nội dung của vụ án. Mặc dù, bị cáo cho rằng diện tích đất nơi xảy ra sự việc là của gia đình bị cáo, tuy nhiên qua lời khai của bị cáo T phù hợp với lời khai của bị cáo L, phù hợp với việc bà H phát hiện bị cáo T cùng với bị cáo L đã nhổ cây keo và chặt keo, bóc vỏ phần cội và cũng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thời gian, địa điểm phạm tội, vật chứng thu giữ đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 06 giờ ngày 21/4/2020 để giải quyết mâu thuẫn về tranh chấp đất đai nên Trần Quyết T cùng con trai Trần Thăng L đã có hành vi chặt, bóc vỏ và nhổ bỏ 555 cây keo trầm thuộc sở hữu của gia đình bà Nguyễn Thị H với mục đích làm cho cây keo bị chết, không có khả năng phục hồi để lấy lại đất, gây thiệt hại tài sản trị giá 7.189.000 đồng. Vì vậy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã xét xử các bị cáo về tội "Hủy hoại tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Trần Quyết T, Trần Thăng L và kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo văn bản trả lời của Phòng tài nguyên Môi Trường, Ban quản lý rừng phòng hộ K, Ban quản lý rừng phòng hộ huyện K; báo cáo của Chính quyền UBND xã Đ và UBND xã P cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ cũng khẳng định vị trí, hiện trường nơi xảy ra sự việc thuộc khoảnh 1 tiểu khu 237; tại khoảnh 7 tiểu khu 234 đang thuộc quyền quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ K, chưa giao cho hộ cá nhân nào.

Các bị cáo cho rằng số cây keo, trầm mà các bị cáo nhổ bỏ là do năm 2011 bị cháy rừng nên hạt keo bị cháy và tự mọc lên, toàn bộ cây keo còn lại là do vợ chồng bị cáo trồng trên diện tích đất của mình, các bị cáo không có hành vi nhổ bỏ, hủy hoại tài sản của bà H nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào để khẳng định cho lời trình bày của mình, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khẳng định việc các bị cáo bồi tH cho bà H là tự nguyện. Ngoài ra, tại lời khai của các nhân chứng, lời khai các hộ liền kề cũng như lời khai của ông Đinh Văn Lâm nguyên Chủ tịch UBND xã Đ đều khẳng định toàn bộ diện tích trồng keo là do bà Nguyễn Thị H và chồng là Hoàng Văn Thụ trực tiếp trồng và thuê trồng, trước lúc trồng thì toàn bộ diện tích đã được sê phát và đốt thực bì, chưa có ai trồng trên diện tích đất và quá trình trồng cũng không có tranh chấp xảy ra với ai, chính quyền xã cũng không có văn bản nào đình chỉ hay thu hồi.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm gây thiệt hại đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng TNHS; Quá trình xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, o, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Quyết T và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần

Thăng L. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không xuất trình được tình tiết mới. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Quyết T và Trần Thăng L mỗi bị cáo 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Do đó, việc bị cáo Trần Quyết T và Trần Thăng L kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, tuyên các bị cáo vô tội cũng như kháng cáo của người bị hại về việc yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu về trách nhiệm bồi tH dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại Nguyễn Thị H không có yêu cầu gì thêm về bồi tH dân sự, xét thấy quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên giữ nguyên.

Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo, người bị hại. Giữ nguyên bản án sơ thẩm

[4]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15; điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban TH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí cho bị cáo Trần Quyết T và bị hại Nguyễn Thị H; buộc bị cáo Trần Thăng L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Trần Quyết T, Trần Thăng L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2021/HS-ST ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Tuyên bố các bị cáo: Trần Quyết T, Trần Thăng L phạm tội “Hủy hoại tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, i, o, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quyết T 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thăng L 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về các biện pháp tư pháp: Buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm liên đới bồi tH thiệt hại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 7.189.000đ, kỷ phần mỗi bị cáo là 3.594.500đ. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường được 6.089.500đ (Theo Chứng từ nộp tiền số 5729587 ngày 28/10/2020 và Biên lai thu tiền số AA/2019/0004607 ngày 12/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự), trong đó bị cáo Trần Quyết T đã bồi tH số tiền 2.500.000đ, nay phải bồi thường tiếp số tiền 1.094.500đ, bị cáo Trần Thăng L đã bồi tH 3.589.500đ, nay phải bồi thường tiếp số tiền 5.000đ.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15; điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban TH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án

phí cho bị cáo Trần Quyết T và bị hại Nguyễn Thị H; buộc bị cáo Trần Thăng L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND, VKS, THA, CA sơ thẩm
- Sở tư pháp Hà Tĩnh;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo; bị hại
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu